**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1**
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 388/2026/HS-ST
Ngày 06 - 8 - 2026

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Hồng Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Đình Phúc

2. Bà Nguyễn Thị Hiếu

- ***Thư ký phiên toà****:* Bà Phạm Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Nghiệp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 339/2026/TLST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 460/2026/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 172/2026/HSST-QĐ ngày 15 tháng 7 năm 2026 đối với bị cáo:

Lê N, sinh ngày 20 tháng 4 năm 2002 tại tỉnh Quảng Ngãi; Số CCCD: 05120201xxxx; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm C, thôn Đ, phường H, tỉnh Gia Lai; nơi cư trú trước khi bị bắt: Xóm C, thôn Đ, phường H, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Lê Văn T (sinh năm 1979, đã chết) và bà Nguyễn Thị Tuyết N1 (sinh năm 1978); Bị cáo là con thứ 02 trong gia đình có 02 người con; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giam tại Phân trại tạm giam B (Cơ sở 1) - Trại tạm giam C từ ngày 21/11/2025 cho đến nay.

Bị cáo Lê N có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Ông Nguyễn Bảo H, sinh năm 2003. (có mặt)

Địa chỉ: 3 Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lưu Hoàng Đăng H1, sinh năm 2004. (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: Tổ C, thị trấn L, xã B (nay là xã B), tỉnh Lâm Đồng.

Nơi ở hiện tại: Phòng 103, số C Dương Q, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết N1, sinh năm 1978. (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: P, phường C, tỉnh Khánh Hòa.

Nơi ở hiện tại: Xóm C, thôn Đ, phường H, tỉnh Gia Lai.

3. Bà Lê Thị Kim N2, sinh năm 1998. (có mặt)

Địa chỉ thường trú: P, phường C, tỉnh Khánh Hòa.

Nơi ở hiện tại: Xóm C, thôn Đ, phường H, tỉnh Gia Lai.

4. Ông Vũ Đức P, sinh năm 1999. (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: Thôn F, E, huyện C (nay là xã D), tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ liên lạc: Ấp F, xã B, huyện L (nay là xã L), tỉnh Đồng Nai.

5. Bà Vương Thị Hoàng M, sinh năm 2005. (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ C, khu phố A, phường T, tỉnh Tây Ninh.

6. Bà Trương Hồng Thiên N3, sinh năm 1987. (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: Khu phố C, phường B, thị xã H, tỉnh Bình Định (nay là phường B, tỉnh Gia Lai).

Địa chỉ liên lạc: A Q, phường B, tỉnh Gia Lai.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng cuối tháng 10/2025, ông Nguyễn Bảo H đăng trên mạng xã hội Zalo cần kiếm cộng tác viên để mua vàng hộ. Lê N thấy được bài đăng của ông H nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của ông H. N dùng tài khoản Zalo tên "Ngọc Hạ An" kết bạn với tài khoản Zalo của ông H tên "Bảo Hùng" để trao đổi tìm người mua vàng hộ tại Công ty vàng V địa chỉ số D N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh và thoả thuận tìm 01 người mua hộ 01 lượng vàng thì N sẽ được trả tiền công là 700.000 đồng. Sau đó, N liên hệ với ông Lưu Hoàng Đăng H1 qua tài khoản Zalo tên "Đăng Huy" để thỏa thuận với ông H1 việc mua vàng hộ, với tiền công là 500.000 đồng/01 lượng vàng. Ngày 02/11/2025, ông H1 cung cấp hình ảnh căn cước công dân 02 mặt, số điện thoại, tài khoản thư điện tử cho N để N đưa cho ông H đăng ký thông tin mua vàng online tại Công ty V, địa chỉ số D N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. N tạo nhóm Zalo tên "JOB GOLD" với ông H và ông H1 để trao đổi. Đến 22 giờ cùng ngày, ông H gửi thông tin căn cước công dân của ông H1 cho một người quen trên mạng xã hội Facebook tên "Thu Le" để nhờ đăng ký mua vàng online. Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 03/11/2025, ông H đến Công ty V tại địa chỉ số D N, phường B để đợi "Thu Le" báo kết quả đăng ký mua vàng. Đến khoảng 12 giờ 50 phút cùng ngày, "Thu Le" gửi cho ông H hình ảnh phiếu đăng ký mua vàng miếng SJC với tên Lưu Hoàng Đăng H1, ông H nhắn tin cho N thông báo đã đăng ký mua vàng thành công trong khung giờ từ 13 giờ đến 14 giờ và yêu cầu N liên hệ ông H1 mang theo căn cước công dân đến Công ty vàng V

địa chỉ số D N để vào mua vàng hộ. Sau khi N nhắn tin riêng cho ông H1 nói đến gặp ông H để mua vàng và khi nào nhận được tiền mua vàng hộ thì báo lại cho N. Đến khoảng 13 giờ 05 phút cùng ngày, ông H1 đến Công ty V tại địa chỉ số D N để gặp ông H, ông H chuyển số tiền 148.600.000 đồng từ tài khoản số 076202xxxx Ngân hàng TMCP M2 tên Nguyễn Bảo H đến tài khoản số 10987496xxxx Ngân hàng TMCP V1 tên Lưu Hoàng Đăng H1 để ông H1 mua vàng hộ.

Liền sau đó, ông H1 báo cho N đã nhận được số tiền 148.600.000 đồng từ ông H và đang ở trong Công ty vàng V chờ đến lượt mua vàng thì N nhắn cho ông H1 thông tin giả là giá vàng tăng cao hơn số tiền mà ông H chuyển cho ông H1 và N cung cấp mã QR do N tạo trên trang web đánh bạc www.cobactructuyen.1111, tài khoản "lth04072002", mật khẩu "20042002", có thông tin tài khoản số 17968xxx Ngân hàng TMCP A1 tên VU DUC P, yêu cầu ông H1 chuyển số tiền lại cho N để bàn bạc lại với ông H, sau khi thống nhất giá mua vàng thì N sẽ chuyển tiền lại cho ông H1 để tiếp tục mua vàng hộ. Đến khoảng 13 giờ 30 phút, H gọi hỏi H1 đã mua được vàng chưa thì H1 trả lời chưa mua vàng và đã chuyển số tiền cho N. Do không liên hệ được N nên H đến Công an phường B, Thành phố Hồ Chí Minh để trình báo sự việc.

Sau khi nhận được tiền từ ông H1 chuyển đến, N hủy kết bạn Zalo với ông H và ông H1, thu hồi tất cả tin nhắn, giải tán nhóm Zalo "JOB GOLD", xóa hết dữ liệu liên quan đến việc mua vàng hộ, đổi tên tài khoản Zalo từ "Ngọc Hạ An" thành "Hạ An" nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền 148.600.000 đồng. Do thấy số tiền trong tài khoản quá lớn, sợ bị mất nên N đã rút hết số tiền trên từ tài khoản đánh bạc về tài khoản số 1907004417xxxx Ngân hàng TMCP T5 tên Lê N.

Sau đó, N liên tục chuyển số tiền trên đến các tài khoản ngân hàng nhằm tránh bị cơ quan chức năng nghi ngờ phát hiện truy vết. Tất cả các ngân hàng mà N chuyển tiền đến đều mang tên Lê N, cụ thể như sau:

- Chuyển số tiền 100.035.000 đồng đến tài khoản số 2258888xxxx Ngân hàng TMCP T5, sau đó chuyển số tiền 100.035.000 đồng đến tài khoản số 2250000xxxx Ngân hàng TMCP T5. N tiếp tục chuyển số tiền 30.000.000 đồng đến tài khoản của mẹ ruột là Nguyễn Thị Tuyết N1 số 41006xxx Ngân hàng TMCP A1 và chuyển số tiền 20.000.000 đồng đến tài khoản chị ruột là Lê Thị Kim N2 số 0579300xxxx Ngân hàng TMCP T6 để trả nợ số tiền đã mượn của mẹ và chị; chuyển số tiền 22.035.000 đồng đến tài khoản của bản thân số 889694xxxx Ngân hàng TMCP B.

- Chuyển số tiền 100.000.000 đồng đến tài khoản số 10932108xxxx Ngân hàng TMCP N5; sau đó chuyển tất cả số tiền trên đến tài khoản số 225888xxxx Ngân hàng S. N dùng số tiền trong tài khoản này để mua điện thoại di động hiệu Iphone 16 Pro Max, màu Titan, 256GB với số tiền 31.710.000 đồng ở cửa hàng T8 (có biên lai mua hàng); mua vàng trang sức ở cửa hàng vàng V2 địa chỉ số A Q, phường B, tỉnh Gia Lai 02 lần với tổng số tiền là 35.169.000 đồng, trong đó chuyển khoản số tiền 31.051.000 đồng và thanh toán bằng tiền mặt 4.118.000 đồng (có giấy tờ của cửa hàng vàng V2). Sau khi mua điện thoại di động, vàng và tiêu dùng cá nhân, tài khoản số 225888xxxx Ngân hàng số S của N còn lại: 45.289.000

đồng và N đã chuyển số tiền này đến tài khoản số 889694xxxx Ngân hàng TMCP B, số dư trong tài khoản là 68.059.531 đồng, trong đó khoảng 16.600.000 đồng là số tiền còn lại mà N đã chiếm đoạt của H.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Lê N đã thừa nhận hành vi phạm tội phù hợp với chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra thu thập thể hiện trong hồ sơ vụ án.

Tại Kết luận định giá tài sản số 09/KL-HĐĐGTS ngày 05/02/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân phường B, Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 16 Pro Max có dung lượng 256Gb, màu titan, có số seri: MX9MP73GKV, số Imei: 355265124826538 tại thời điểm định giá ngày 03/11/2025 có giá là 31.710.000 đồng.

- 01 (một) chiếc nhẫn kim loại màu vàng, mặt hình vuông có chữ, trên mặt có đính 04 (bốn) hạt đá tấm; 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng khắc hoa văn; 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng có khắc hoa văn sọc chéo; 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng kèm mặt dây hình cỏ bốn lá; 01 (một) chiếc lắc khoen bằng kim loại màu vàng tại thời điểm định giá ngày 03/11/2025 có giá là 35.169.000 đồng.

Vật chứng thu giữ, kèm theo hồ sơ vụ án:

- 01 (một) thiết bị lưu trữ dữ liệu phục hồi các mẫu cần giám định;

- 01 (một) đĩa ghi âm, ghi hình việc Lê N khai nhận hành vi vi phạm tội.

Nhập kho vật chứng:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus 32GB, màu đen, số Imei: 353821082632565 (đã qua sử dụng) của Lê N;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 16 Pro Max 256GB, màu titan, số seri: MX9MP73GKV, số Imei: 355265124826538 (đã qua sử dụng) do N sử dụng tiền chiếm đoạt để mua (có 02 biên lai mua hàng kèm theo);

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 8, màu hồng, mặt lưng phía sau bị bể, số Imei: 3560850990609693 (đã qua sử dụng) của ông Lưu Hoàng Đăng H1;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi Note 11T Pro+, màu xám, màn hình bị bung, số Imei 1: 862190064909837; số Imei 2: 862190064909845 (đã qua sử dụng) của ông Nguyễn Bảo H;

Đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả cho ông Nguyễn Bảo H:

- 01 (một) chiếc lắc khoen bằng kim loại màu vàng (đã qua sử dụng); 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng khắc hoa văn (đã qua sử dụng); 01 (một) chiếc nhẫn kim loại màu vàng, mặt hình vuông có chữ, trên mặt có đính 04 hạt đá tấm (đã qua sử dụng); 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng kèm mặt dây hình cỏ bốn lá (đã qua sử dụng); 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng có khắc hoa văn sọc chéo (đã qua sử dụng) (Có biên lai mua hàng kèm theo), tính ra tiền là 35.169.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại ông Nguyễn Bảo H yêu cầu bị cáo Lê N trả lại số tiền 148.600.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 29/CT-VKSHCM-KV ngày 12 tháng 5 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Lê N về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025. Đồng thời áp dụng tình tiết "thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025.

* Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và trình bày lời luận tội, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 50 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025: xử phạt bị cáo Lê N từ 04 năm đến 05 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Về hình phạt bổ sung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử không phạt bổ sung bị cáo.

Về xử lý vật chứng theo quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, cụ thể:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 16 Pro Max có dung lượng 256Gb, màu titan, có số seri: MX9MP73GKV, số Imei: 355265124826538 tại thời điểm định giá ngày 03/11/2025 có giá là 31.710.000 đồng; đây là tài sản bị cáo dùng tiền lừa đảo của ông Nguyễn Bảo H để mua. Do đó, tiếp tục lưu giữ để đảm bảo thi hành án cho ông H.

Vật chứng thu giữ, kèm theo hồ sơ vụ án:

- 01 (một) thiết bị lưu trữ dữ liệu phục hồi các mẫu cần giám định và 01 (một) đĩa ghi âm, ghi hình việc Lê N khai nhận hành vi vi phạm tội: Cần tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

Vật chứng đã nhập vào kho vật chứng:

Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021, năm 2025:

+ Tịch thu và nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động Iphone 7 Plus 32GB, màu đen, số Imei: 353821082632565 của Lê N, là phương tiện bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội;

+ Tịch thu và nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 16 Pro Max 256GB, màu titan, số seri: MX9MP73GKV, số Imei: 355265124826538 (đã qua sử dụng) do N sử dụng tiền chiếm đoạt để mua;

+ Trả lại cho ông Lưu Hoàng Đăng H1 01 (một) điện thoại di động Iphone 8, màu hồng, mặt lưng phía sau bị bể, số Imei: 3560850990609693 và trả lại cho

ông Nguyễn Bảo H 01 (một) điện thoại di động Redmi Note 11T Pro+, màu xám, màn hình bị bung, số Imei 1: 862190064909837, số Imei 2: 862190064909845 nếu không còn cần thiết cho việc giải quyết vụ án.

Đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả cho Nguyễn Bảo H:

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành trả cho ông Nguyễn Bảo H số vàng nữ trang mà N dùng tiền chiếm đoạt tương ứng số tiền 25.000.000 đồng và tại phiên toà bị hại H yêu cầu bị cáo N bồi thường lại số tiền 123.600.000 đồng. Bị cáo N đồng ý bồi thường theo yêu cầu. Do đó, buộc bị cáo Lê N có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Nguyễn Bảo H số tiền 123.600.000 đồng. Trong đó, đề nghị cấn trừ số tiền 68.059.531 đồng đã được phong toả trong tài khoản Ngân hàng B của bị cáo, buộc bà Nguyễn Thị Tuyết N1 nộp lại số tiền 30.000.000 đồng và bà Lê Thị Kim N2 nộp lại số tiền 20.000.000 đồng đã nhận từ bị cáo để giải quyết nghĩa vụ bồi thường cho ông H.

Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại ông Nguyễn Bảo H yêu cầu bị cáo Lê N trả lại số tiền 123.600.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai: Trong tổng số tiền lừa đảo của bị hại, bị cáo đã chuyển trả nợ cho chị gái là chị Lê Thị Kim N2 số tiền 20.000.000 đồng và chuyển cho mẹ ruột là bà Nguyễn Thị Tuyết N1 số tiền 30.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà Lê Thị Kim N2 tự nguyện nộp lại số tiền 20.000.000 đồng tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo.

Xét số tiền 30.000.000 đồng mà bị cáo chuyển khoản cho mẹ ruột của mình là tiền do bị cáo chiếm đoạt của bị hại mà có. Do đó buộc bà Nguyễn Thị Tuyết N1 nộp lại số tiền 30.000.000 đồng tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo.

- Bị cáo Lê N khai: Bị cáo xác nhận do thấy ông Nguyễn Bảo H đăng thông tin tìm người mua vàng hộ nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của ông H. Bị cáo thừa nhận đã sử dụng tài khoản Zalo để liên hệ với ông H và ông Lưu Hoàng Đăng H1, tạo điều kiện để ông H chuyển số tiền 148.600.000 đồng cho ông H1 mua vàng hộ. Sau khi biết ông H1 đã nhận được tiền, bị cáo đưa ra thông tin không đúng sự thật về việc giá vàng tăng, yêu cầu ông H1 chuyển lại số tiền cho bị cáo rồi chiếm đoạt. Bị cáo xác nhận hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật, đồng ý với tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát truy tố, đồng thời xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo Lê N tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra, kết luận giám định, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở để kết luận: Vào ngày 03/11/2025, do có ý định chiếm đoạt tài sản của ông Nguyễn Bảo H thông qua việc tìm kiếm người mua vàng hộ nên N đã giới thiệu ông Lưu Hoàng Đăng H1 để cung cấp thông tin cá nhân đăng ký mua vàng tại Công ty V, địa chỉ số D N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh giúp ông H. Lợi dụng lòng tin của ông H1, N đưa ra thông tin gian dối về việc giá vàng tăng so với số tiền 148.600.000 đồng mà ông H đã chuyển khoản cho ông H1 và yêu cầu ông H1 chuyển số tiền nhận từ ông H cho N và chiếm đoạt số tiền 148.600.000 đồng của ông H để tiêu xài vào mục đích cá nhân.

[3] Do đó Viện kiểm sát truy tố bị cáo Lê N về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025 là đúng người, đúng tội.

[4] Đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm, thấy rằng: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo đưa ra thông tin giả, không đúng sự thật cho ông H1, về việc giá vàng tăng, làm ông H1 tin là thật và chuyển tiền của ông H cho bị cáo. Sau khi nhận được tiền, bị cáo đã cố tình trốn tránh và cố tình chiếm đoạt số tiền đó để dùng cho mục đích cá nhân. Hành vi nêu trên của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi phạm tội của bị cáo đã ảnh hưởng lớn đến an ninh trật tự và đời sống của nhân dân. Tuy nhiên khi lượng hình, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025 để giảm cho bị cáo một phần hình phạt lẽ ra bị cáo phải chịu.

[7] Về nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự; trước khi thực hiện hành vi phạm tội chưa bị xử lý hình sự hoặc xử lý vi phạm hành chính về hành vi vi phạm nào. Tuy nhiên, bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, nhận thức được việc dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm mục đích vụ lợi cá nhân. Sau khi chiếm đoạt được tài sản, bị cáo còn thực hiện

nhiều giao dịch chuyển tiền qua các tài khoản khác nhau, sử dụng tiền chiếm đoạt để mua sắm và tiêu dùng cá nhân nhằm che giấu nguồn gốc tài sản phạm tội. Điều đó thể hiện ý thức coi thường pháp luật, cần xử lý nghiêm để giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền để bị cáo có ý thức chấp hành án, không tái phạm theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, do bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

- Người bị hại ông Nguyễn Bảo H yêu cầu bị cáo Lê N bồi thường số tiền bị chiếm đoạt là 123.600.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Xét, hành vi phạm tội của bị cáo đã gây thiệt hại về tài sản cho ông Nguyễn Bảo H nên bị cáo có nghĩa vụ bồi thường theo quy định của pháp luật. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại cho ông H các tài sản là 01 chiếc lắc khoen bằng kim loại màu vàng, 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng khắc hoa văn, 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng mặt hình vuông có đính 04 hạt đá tấm, 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng kèm mặt dây hình cỏ bốn lá và 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng có khắc hoa văn sọc chéo. Theo Kết luận định giá tài sản số 09/KL-HĐĐGTS ngày 05/02/2026 thì giá trị các tài sản này là 35.169.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa, bị hại ông Nguyễn Bảo H khai nhận: Sau khi nhận lại các tài sản này thì ông H đã bán được số tiền 25.000.000 đồng nên ông H còn yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 123.600.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê N đồng ý bồi thường cho ông Nguyễn Bảo H số tiền 123.600.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo về việc bồi thường số tiền chênh lệch so với Kết luận định giá tài sản.

- Tại phiên tòa, bà Lê Thị Kim N2 trình bày: Bà có cho Lê N mượn số tiền 20.000.000 đồng; khi N nói có tiền trả cho bà thì bà không biết số tiền này là do N phạm tội mà có. Tại phiên tòa hôm nay, bà đồng ý hoàn trả lại số tiền 20.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị Kim N2 tự nguyện nộp lại số tiền 20.000.000 đồng tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo.

- Đối với số tiền bị cáo chuyển cho bà Nguyễn Thị Tuyết N1: Quá trình điều tra, bà N1 khai không biết số tiền N chuyển cho mình là do N phạm tội mà có. Đồng thời bà N1 đề nghị được khắc phục hậu quả bằng cách nộp lại số tiền 30.000.000 đồng. Do đó, buộc bà Nguyễn Thị Tuyết N1 nộp lại số tiền 30.000.000 đồng tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo về việc bồi thường cho bị hại Nguyễn Bảo H.

- Đối với số tiền chậm thi hành án, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Tiếp tục phong tỏa số tiền 68.059.531 đồng có trong tài khoản số 889694xxxx Ngân hàng TMCP B theo Lệnh phong tỏa tài khoản số C245/LPT-CSHS ngày 21/01/2026 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố H và Biên bản phong tỏa tài khoản ngày 23/01/2026 tại Ngân hàng TMCP B để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo về việc bồi thường cho bị hại Nguyễn Bảo H.

[10] Về xử lý vật chứng:

- 01 thiết bị lưu trữ dữ liệu phục hồi các mẫu cần giám định và 01 đĩa ghi âm, ghi hình việc bị cáo khai nhận hành vi phạm tội là tài liệu, chứng cứ của vụ án đã được lưu trong hồ sơ nên tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

- 01 (một) Biên lai mua hàng tại Thế giới di động với số tiền: 31.710.000 đồng và 01 (một) Biên lai mua hàng tại Thế giới di động với số tiền: 650.000 đồng. Xét, là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội nên tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus 32GB, màu đen, số Imei: 353821082632565 (đã qua sử dụng) của Lê N . Xét, là tài sản thuộc sở hữu của bị cáo Lê N, sử dụng làm phương tiện liên lạc, tạo tài khoản Zalo và thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do đây là công cụ, phương tiện được sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 16 Pro max 256GB, màu titan, số seri: MX9MP73GKV, số Imei: 355265124826538 (đã qua sử dụng) do N sử dụng tiền chiếm đoạt để mua (có 02 biên lai mua hàng kèm theo). Xét, kết quả điều tra xác định bị cáo Lê N đã sử dụng tiền chiếm đoạt của ông Nguyễn Bảo H để mua tài sản này. Do đó, đây là tài sản được hình thành từ tiền do phạm tội mà có, có liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu giữ để đảm bảo thi hành án cho ông Nguyễn Bảo H.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 8, màu hồng, mặt lưng phía sau bị bể, số Imei: 3560850990609693 (đã qua sử dụng) của ông Lưu Hoàng Đăng H1 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi Note 11T Pro+, màu xám, màn hình bị bung, số Imei 1: 862190064909837, số Imei 2: 862190064909845 (đã qua sử dụng) của ông Nguyễn Bảo H không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Trả lại cho ông Lưu Hoàng Đăng H1 01 (một) điện thoại di động Iphone 8, màu hồng, mặt lưng phía sau bị bể, số I: 3560850990609693 và trả lại cho ông Nguyễn Bảo H 01 (một) điện thoại di động Redmi Note 11T Pro+, màu xám, màn hình bị bung, số Imei 1: 862190064909837, số Imei 2: 862190064909845 do ông H1 không biết bị cáo N lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

- 01 (một) chiếc lắc khoen bằng kim loại màu vàng (đã qua sử dụng); 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng khắc hoa văn (đã qua sử dụng); 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, mặt hình vuông có chữ, trên mặt có đính 04 hạt đá tấm (đã qua sử dụng); 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng kèm mặt dây hình cỏ bốn lá (đã qua sử dụng); 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng có khắc hoa văn sọc chéo (đã qua sử dụng) (Có biên lai mua hàng kèm theo). Xét, là các tài sản được mua bằng tiền do phạm tội mà có. Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại cho ông Nguyễn Bảo H để khắc phục một phần thiệt hại là phù hợp quy định

tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Đối với Lưu Hoàng Đăng H1 không tham gia đánh bạc, không biết việc Lê N đưa ra thông tin gian dối nên đã chuyển tiền của ông H cho bị cáo Lê N nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

[12] Đối với Trương Hồng Thiên N3 không biết số tiền mà Lê N dùng để mua vàng là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

[13] Đối với người sử dụng tài khoản Facebook tên "Thu Le" là người đã đăng ký mua vàng giúp H, H khai không biết thông tin lai lịch; đồng thời xác minh tại Cục phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử không có thông tin dữ liệu, không có biện pháp kỹ thuật phù hợp để xác định thông tin tài khoản nên cơ quan điều tra không thể tiến hành điều tra liên quan đến việc đăng ký mua vàng hộ là có cơ sở.

[14] Đối với Vũ Đức P đứng tên tài khoản ngân hàng số 1796xxxx tại Ngân hàng TMCP A1, đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ; khi nào có đủ cơ sở sẽ xử lý sau.

[15] Đối với việc Lê N đánh bạc bằng hình thức trực tuyến trên trang web đánh bạc , tài khoản "lth04072002", mật khẩu "20042002", tài khoản hiện nay không tồn tại, chưa truy xuất được lịch sử giao dịch các trận cá cược nên chưa có căn cứ xử lý đối với bị cáo N về tội "Đánh bạc" nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã ra Quyết định tách hành vi và tài liệu liên quan trong vụ án hình sự để tiếp tục điều tra xử lý theo quy định pháp luật là có cơ sở. Đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H tiếp tục điều tra, làm rõ hành vi đánh bạc của bị cáo, khi nào có đủ cơ sở sẽ xử lý sau.

[16] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Lê N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 6.180.000 đồng; Bà Nguyễn Thị Tuyết N1, bà Lê Thị Kim N2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải nộp lại.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025:

Xử phạt bị cáo Lê N 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 21/11/2025.

2. Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025:

- Lưu hồ sơ vụ án: 01 thiết bị lưu trữ dữ liệu phục hồi các mẫu cần giám định và 01 đĩa ghi âm, ghi hình; 01 (một) Biên lai mua hàng tại Thế giới di động với số tiền: 31.710.000 đồng và 01 (một) Biên lai mua hàng tại Thế giới di động với số tiền: 650.000 đồng.

- Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus 32GB, màu đen, số Imei: 353821082632565 (đã qua sử dụng) của Lê N.

- Tiếp tục lưu giữ 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 16 Pro max 256GB, màu titan, số seri: MX9MP73GKV, số Imei: 355265124826538 (đã qua sử dụng) để đảm bảo thi hành án cho ông Nguyễn Bảo H.

- Trả lại cho ông Lưu Hoàng Đăng H1 01 (một) điện thoại di động Iphone 8, màu hồng, mặt lưng phía sau bị bể, số Imei: 3560850990609693 và trả lại cho ông Nguyễn Bảo H 01 (một) điện thoại di động Redmi Note 11T Pro+, màu xám, màn hình bị bung, số Imei 1: 862190064909837, số Imei 2: 862190064909845.

(Theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 03/6/2026 tại Phân trại tạm giam B (cơ sở 1), Công an Thành phố H)

3. Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015:

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị Kim N2 tự nguyện nộp lại số tiền 20.000.000 đồng tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015:

Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết N1 nộp lại số tiền 30.000.000 đồng tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo về việc bồi thường cho bị hại Nguyễn Bảo H.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo Lê N có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Bảo H số tiền 123.600.000 đồng.

Tiếp tục phong tỏa/cấn trừ số tiền 68.059.531 đồng có trong tài khoản số 889694xxxx Ngân hàng TMCP B theo Lệnh phong tỏa tài khoản số C245/LPT-CSHS ngày 21/01/2026 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố H và Biên bản phong tỏa tài khoản ngày 23/01/2026 tại Ngân hàng TMCP B để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo về việc bồi thường cho bị hại Nguyễn Bảo H.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với

các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Căn cứ Điều 135 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Bị cáo Lê N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 6.180.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Tuyết N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.500.000 đồng.

Bà Lê Thị Kim N2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.000.000 đồng.

7. Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021, năm 2025:

Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- Công an TP.HCM (CQCSĐT, PC53-Đ3);
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP. HCM;
- TAND KV6 - TPHCM; (để tổng hợp hình phạt)
- VKSND KV1 - TPHCM;
- Trại tạm giam C - Phân trại KV G;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hồng Hạnh**